

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 11 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Trịnh Xuân Vương	Nguyên Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Chí Linh	Nguyên Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Phương Thanh Nhung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Lê Minh Điềm	Nguyên Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Ngô Tân Long	Nguyên Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Trịnh Việt Tuấn	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Lê Văn Sơn	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Trương Đức Vọng	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và từ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2021

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán và Quản trị Rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2021
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Lê Vũ Thuật	Nguyên Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyên Trưởng ban	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Khái	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Phan Công Cường	Nguyên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Tấn	Nguyên Thành viên	từ nhiệm ngày 9 tháng 4 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2021
Ông Trương Đức Vọng	Nguyên Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021 và từ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Chí Linh	Nguyên Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	từ ngày 8 tháng 11 năm 2021
Ông Trịnh Xuân Vương	đến ngày 7 tháng 11 năm 2021
Bà Phạm Thị Xuân Hương	từ ngày 19 tháng 7 năm 2021
Ông Trương Đức Vọng	từ ngày 11 tháng 5 năm 2021
	đến ngày 19 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Chí Linh	đến ngày 11 tháng 5 năm 2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 14.1* của báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 4 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61517100/22633863

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) được lập ngày 4 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Hương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1



Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 4637-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		601.100.535.457	484.836.537.434
110	I. Tiền	4	178.590.687.326	43.637.078.031
111	1. Tiền		49.690.687.326	31.637.078.031
112	2. Các khoản tương đương tiền		128.900.000.000	12.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		68.954.572	68.954.572
121	1. Chứng khoán kinh doanh		68.954.572	68.954.572
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		127.243.186.490	137.123.155.715
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	129.757.803.847	134.880.013.794
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.654.338.288	4.904.919.898
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	10.000.000.000	10.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	370.040.699	380.856.716
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(15.538.996.344)	(13.042.634.693)
140	IV. Hàng tồn kho	10	294.823.018.433	303.880.774.247
141	1. Hàng tồn kho		297.251.047.424	304.446.154.545
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.428.028.991)	(565.380.298)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		374.688.636	126.574.869
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	373.852.900	124.500.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		835.736	2.074.869
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		357.282.632.141	363.921.640.745
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		27.000.000	27.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1.575.519.483	1.575.519.483
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	9	(1.548.519.483)	(1.548.519.483)
220	II. Tài sản cố định		222.749.837.835	215.198.016.303
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	146.618.790.701	137.966.999.945
222	Nguyên giá		421.390.571.884	395.062.663.235
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(274.771.781.183)	(257.095.663.290)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	76.131.047.134	77.231.016.358
228	Nguyên giá		83.587.042.931	83.587.042.931
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.455.995.797)	(6.356.026.573)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	15.586.636.999
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	15.586.636.999
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	131.445.000.000	131.545.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		107.760.000.000	107.760.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		12.000.000.000	12.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.685.000.000	11.785.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.060.794.306	1.564.987.443
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	19.251.500	59.853.500
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	3.041.542.806	1.505.133.943
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		958.383.167.598	848.758.178.179

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		275.518.073.262	206.091.286.393
310	I. Nợ ngắn hạn		271.021.414.762	202.262.867.143
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	80.855.285.520	38.036.534.518
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.350.201.792	21.681.829
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	13.157.130.063	15.067.188.770
314	4. Phải trả người lao động		62.710.615.984	54.713.810.593
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.691.755.757	2.626.507.457
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		186.750.000	2.364.300.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	27.113.783.100	769.756.500
320	8. Vay ngắn hạn	19	63.952.324.266	68.687.196.350
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	18.003.568.280	19.975.891.126
330	II. Nợ dài hạn		4.496.658.500	3.828.419.250
337	1. Phải trả dài hạn khác		60.000.000	60.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	21	4.436.658.500	3.768.419.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		682.865.094.336	642.666.891.786
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	682.865.094.336	642.666.891.786
411	1. Vốn cổ phần		265.772.800.000	265.772.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		265.772.800.000	265.772.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		16.680.700.783	16.680.700.783
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		223.751.797.140	207.719.463.140
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		176.659.796.413	152.493.927.863
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		72.618.810.863	72.188.978.916
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		104.040.985.550	80.304.948.947
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		958.383.167.598	848.758.178.179


Vũ Thị Tuyết Dung
Người lập


Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng




Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	933.536.570.387	748.245.182.210
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	2.500.588.384	656.298.872
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	931.035.982.003	747.588.883.338
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	528.836.403.923	406.271.011.197
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		402.199.578.080	341.317.872.141
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	7.066.908.543	5.078.783.782
22	7. Chi phí tài chính	25	10.602.597.814	9.401.820.393
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.812.558.481	4.658.253.379
25	8. Chi phí bán hàng	26	169.025.803.436	133.366.767.816
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	65.245.871.503	68.928.144.398
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		164.392.213.870	134.699.923.316
31	11. Thu nhập khác		1.284.003.980	1.391.569.740
32	12. Chi phí khác		169.760.178	178.541.582
40	13. Lợi nhuận khác		1.114.243.802	1.213.028.158
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		165.506.457.672	135.912.951.474
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	36.424.600.985	29.146.765.601
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(1.536.408.863)	(116.043.074)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		130.618.265.550	106.882.228.947



Vũ Thị Tuyết Dung
Người lập



Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		165.506.457.672	135.912.951.474
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11, 12	18.776.087.117	18.249.380.598
03	Các khoản dự phòng		5.027.249.594	5.863.789.615
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.537.362)	(6.391.883)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.731.565.920)	(4.575.647.805)
06	Chi phí lãi vay	25	3.812.558.481	4.658.253.379
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		186.384.249.582	160.102.335.378
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		3.444.963.795	(6.194.688.692)
10	Giảm hàng tồn kho		7.179.507.121	9.279.300.736
11	Tăng các khoản phải trả		52.329.142.411	9.342.590.958
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(208.750.900)	1.045.245.428
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.432.187.401)	(4.981.803.196)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(36.446.765.601)	(26.195.528.893)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.642.792.000)	(7.556.679.300)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		196.607.367.007	134.840.772.419
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(7.431.423.447)	(25.373.767.477)
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(55.000.000.000)	(3.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		55.000.000.000	22.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.000.000	-
27	Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận đã nhận		3.803.627.690	2.808.352.375
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.527.795.757)	(3.565.415.102)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	276.436.144.712	271.304.012.015
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(281.171.016.796)	(321.554.535.177)
36	Cổ tức đã trả	22.3	(53.391.419.000)	(79.581.403.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(58.126.291.084)	(129.831.926.162)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		134.953.280.166	1.443.431.155
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		43.637.078.031	42.201.814.156
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		329.129	(8.167.280)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	178.590.687.326	43.637.078.031



Vũ Thị Tuyết Dung
Người lập




Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng

Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc



Ngày 4 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (“Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam – Bộ Y tế. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102652 được Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2002, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 138/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp. Theo đó, Công ty đã được cấp GCNĐKKD số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 11 năm 2021.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là OPC theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất dược phẩm, hóa chất; kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên chi nhánh, đơn vị trực thuộc</i>
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Hà Nội
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Nghệ An
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Đà Nẵng
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Nha Trang
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Cần Thơ
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Cửa hàng Giới thiệu và Kinh doanh Dược phẩm
7	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC - Chi nhánh Bình Dương – Nhà máy Dược phẩm OPC
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Tiền Giang
10	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC – Chi nhánh Miền Đông

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 796 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 780 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 14.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 4 tháng 3 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200 cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác, sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích khấu hao.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích khấu hao

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Điều lệ Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung, nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.826.811.268	5.140.789.839
Tiền gửi ngân hàng	45.863.876.058	26.496.288.192
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>128.900.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>178.590.687.326</u>	<u>43.637.078.031</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 (ba) tháng và hưởng lãi suất 4%/ năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên liên quan	585.200.000	731.500.000
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25</i>	<i>585.200.000</i>	<i>731.500.000</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>129.172.603.847</u>	<u>134.148.513.794</u>
TỔNG CỘNG	<u>129.757.803.847</u>	<u>134.880.013.794</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(15.538.996.344)</u>	<u>(13.042.634.693)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>114.218.807.503</u>	<u>121.837.379.101</u>

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	1.040.875.000	-
Công ty TNHH An Đô	280.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Đông Phương	-	3.143.908.698
Công ty TNHH Sao Đỏ Việt Nam – Chi nhánh CMS	-	780.000.000
Các bên khác	<u>1.332.963.288</u>	<u>981.011.200</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.654.338.288</u>	<u>4.904.919.898</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho bên liên quan vay	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Chi tiết khoản cho bên liên quan vay tín chấp như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>VND</i>		<i>%/năm</i>
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	<u>10.000.000.000</u>	Ngày 22 tháng 9 năm 2022	4,5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	370.040.699	380.856.716
Lãi tiền gửi phải thu	196.536.986	-
Tạm ứng nhân viên	57.339.000	265.191.960
Ký cược, ký quỹ	46.164.713	45.626.806
Khác	70.000.000	70.037.950
Dài hạn	1.575.519.483	1.575.519.483
Phải thu nhân viên	1.298.519.483	1.298.519.483
Khác	277.000.000	277.000.000
TỔNG CỘNG	1.945.560.182	1.956.376.199
<i>Dự phòng phải thu khác khó đòi</i>		
<i>Trong đó:</i>		
Dài hạn	(1.548.519.483)	(1.548.519.483)

9. NỢ XẤU

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.875.518.549	(15.538.996.344)	30.997.025.152	(13.042.634.693)
Khối điều trị	25.862.252.140	(10.736.515.150)	22.428.918.343	(8.517.720.821)
Nhà thuốc	3.125.060.347	(2.665.794.657)	2.684.247.940	(2.562.414.470)
Khác	3.888.206.062	(2.136.686.537)	5.883.858.869	(1.962.499.402)
Phải thu dài hạn khác	1.548.519.483	(1.548.519.483)	1.548.519.483	(1.548.519.483)
Phải thu nhân viên	1.298.519.483	(1.298.519.483)	1.298.519.483	(1.298.519.483)
Khác	250.000.000	(250.000.000)	250.000.000	(250.000.000)
TỔNG CỘNG	34.424.038.032	(17.087.515.827)	32.545.544.635	(14.591.154.176)

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	206.052.916.191	(2.415.011.276)	182.706.263.778	(565.380.298)
Thành phẩm	84.845.151.734	(13.017.715)	116.224.999.699	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.306.021.313	-	4.346.300.464	-
Hàng mua đang đi đường	1.967.621.460	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	20.070.720	-	-	-
Hàng hoá	1.059.266.006	-	1.168.590.604	-
TỔNG CỘNG	297.251.047.424	(2.428.028.991)	304.446.154.545	(565.380.298)

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm	234.523.635.982	132.452.143.615	25.401.696.422	2.685.187.216	395.062.663.235
Mua trong năm	-	5.172.460.064	-	347.281.707	5.519.741.771
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	16.240.159.992	4.568.006.886	-	-	20.808.166.878
Số cuối năm	250.763.795.974	142.192.610.565	25.401.696.422	3.032.468.923	421.390.571.884
Trong đó:					
Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết	31.078.063.324	113.799.379.814	20.879.878.583	2.557.923.579	168.315.245.300
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	111.938.435.494	120.101.767.353	22.417.940.599	2.637.519.844	257.095.663.290
Khấu hao trong năm	12.571.014.603	3.964.761.229	1.045.042.183	95.299.878	17.676.117.893
Số cuối năm	124.509.450.097	124.066.528.582	23.462.982.782	2.732.819.722	274.771.781.183
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	122.585.200.488	12.350.376.262	2.983.755.823	47.667.372	137.966.999.945
Số cuối năm	126.254.345.877	18.126.081.983	1.938.713.640	299.649.201	146.618.790.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>82.296.407.931</u>	<u>1.290.635.000</u>	<u>83.587.042.931</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết</i>	-	1.290.635.000	1.290.635.000
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	5.065.391.573	1.290.635.000	6.356.026.573
Khấu hao trong năm	<u>1.099.969.224</u>	-	<u>1.099.969.224</u>
Số cuối năm	<u>6.165.360.797</u>	<u>1.290.635.000</u>	<u>7.455.995.797</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>77.231.016.358</u>	-	<u>77.231.016.358</u>
Số cuối năm	<u>76.131.047.134</u>	-	<u>76.131.047.134</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	373.852.900	124.500.000
Khác	163.760.000	124.500.000
	210.092.900	-
Dài hạn		
Khác	19.251.500	59.853.500
	19.251.500	59.853.500
TỔNG CỘNG	<u>393.104.400</u>	<u>184.353.500</u>



Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Đầu tư vào các công ty con	107.760.000.000	107.760.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	12.000.000.000	12.000.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.685.000.000	11.785.000.000	
TỔNG CỘNG	131.445.000.000	131.545.000.000	

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ vốn năm giữ %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ vốn năm giữ %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Thành phố Hà Chí Minh	Dược phẩm, bất động sản	58,14	58,14	58,14	58,14
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Tỉnh Bình Dương	Dược phẩm	100,00	100,00	100,00	100,00
TỔNG CỘNG						
						107.760.000.000

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Tỷ lệ vốn năm giữ %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Tỷ lệ vốn năm giữ %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	Dược phẩm	40,00	40,00	40,00	40,00
						12.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	180.000	4.070.000.000	180.000	4.070.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	299.475	2.750.000.000	299.475	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	145.000	1.950.000.000	145.000	1.950.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	50.000	1.250.000.000	50.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	15.750	1.665.000.000	15.750	1.665.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	-	-	10.000	100.000.000
TỔNG CỘNG		11.685.000.000		11.785.000.000

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan	31.952.030.278	13.836.264.531
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25</i>	16.574.368.618	-
<i>Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương</i>	13.902.251.010	4.395.015.231
<i>Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang</i>	1.475.410.650	9.441.249.300
Phải trả cho người bán	48.903.255.242	24.200.269.987
<i>Công ty TNHH In Bao bì C.D</i>	9.161.424.635	2.252.443.160
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trường Thọ Bình Dương</i>	4.852.435.136	-
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam</i>	4.781.682.048	2.873.107.952
<i>Guangxi Caobenyan Traditional Chinese Medical Slices</i>	3.036.165.872	4.115.482.224
<i>Các bên khác</i>	27.071.547.551	14.959.236.651
TỔNG CỘNG	80.855.285.520	38.036.534.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.246.765.601	36.424.600.985	36.446.765.601	12.224.600.985
Thuế thu nhập cá nhân	1.857.671.518	8.149.639.935	9.548.243.175	459.068.278
Thuế giá trị gia tăng	962.751.651	18.526.468.311	19.144.696.762	344.523.200
Thuế khác	-	76.249.443	76.249.443	-
TỔNG CỘNG	<u>15.067.188.770</u>	<u>66.968.501.790</u>	<u>68.878.560.497</u>	<u>13.157.130.063</u>

Công ty đã được cơ quan thuế địa phương quyết toán thuế đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí khuyến mãi	900.000.000	-
Chi phí lãi vay	487.761.392	107.390.312
Chi phí nhượng quyền	-	1.098.980.064
Khác	2.303.994.365	1.420.137.081
TỔNG CỘNG	<u>3.691.755.757</u>	<u>2.626.507.457</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức	26.936.777.000	596.356.000
Kinh phí công đoàn	177.006.100	173.400.500
TỔNG CỘNG	<u>27.113.783.100</u>	<u>769.756.500</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	<u>68.687.196.350</u>	<u>276.436.144.712</u>	<u>281.171.016.796</u>	<u>63.952.324.266</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Hợp đồng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
	VND		%/năm	
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
BFL/032020-763	31.344.151.052	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2022 đến ngày 28 tháng 2 năm 2022	3,35 – 3,67	Các khoản phải thu
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh				
STVN523-13	32.608.173.214	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2022 đến ngày 10 tháng 6 năm 2022	3,1 – 3,35	Hàng tồn kho và các khoản phải thu
TỔNG CỘNG	<u>63.952.324.266</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	19.975.891.126	27.530.870.126
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại trong năm (Thuyết minh số 22.1)	10.688.223.000	-
Sử dụng quỹ	<u>(12.660.545.846)</u>	<u>(7.554.979.000)</u>
Số cuối năm	<u>18.003.568.280</u>	<u>19.975.891.126</u>

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Trợ cấp thôi việc	<u>4.436.658.500</u>	<u>3.768.419.250</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	265.772.800.000	16.680.700.783	207.738.463.440	125.343.538.916	615.535.503.139
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	106.882.228.947	106.882.228.947
Cổ tức công bố	-	-	-	(79.731.840.000)	(79.731.840.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(19.000.300)	-	(19.000.300)
Số cuối năm	265.772.800.000	16.680.700.783	207.719.463.140	152.493.927.863	642.666.891.786
Năm nay					
Số đầu năm	265.772.800.000	16.680.700.783	207.719.463.140	152.493.927.863	642.666.891.786
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	130.618.265.550	130.618.265.550
Cổ tức công bố	-	-	-	(79.731.840.000)	(79.731.840.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	16.032.334.000	(16.032.334.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.688.223.000)	(10.688.223.000)
Số cuối năm	265.772.800.000	16.680.700.783	223.751.797.140	176.659.796.413	682.865.094.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	26.577.280	26.577.280
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	26.577.280	26.577.280
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.577.280</i>	<i>26.577.280</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	26.577.280	26.577.280
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.577.280</i>	<i>26.577.280</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

22.3 Cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức công bố trong năm	79.731.840.000	79.731.840.000
Cổ tức đã trả trong năm	53.391.419.000	79.581.403.000

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	933.536.570.387	748.245.182.210
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa</i>	<i>929.636.269.279</i>	<i>742.822.622.453</i>
<i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	<i>1.584.219.429</i>	<i>5.295.299.757</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>2.316.081.679</i>	<i>127.260.000</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(2.500.588.384)	(656.298.872)
Doanh thu thuần	931.035.982.003	747.588.883.338
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>928.518.070.448</i>	<i>747.048.867.868</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>2.517.911.555</i>	<i>540.015.470</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	4.351.220.979	2.911.363.671
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.380.344.941	1.664.284.134
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	335.342.623	503.135.977
TỔNG CỘNG	7.066.908.543	5.078.783.782

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	483.996.301.363	382.703.449.400
Giá vốn hàng khuyến mãi	40.147.530.996	17.880.077.786
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	4.692.571.564	5.687.484.011
TỔNG CỘNG	528.836.403.923	406.271.011.197

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	6.787.770.302	4.731.847.788
Chi phí lãi vay	3.812.558.481	4.658.253.379
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.269.031	11.719.226
TỔNG CỘNG	10.602.597.814	9.401.820.393

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	169.025.803.436	133.366.767.816
Chi phí nhân viên	119.632.157.699	80.037.483.498
Chi phí quảng cáo tiếp thị	8.231.077.848	12.886.138.453
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.863.818.066	6.105.299.653
Khác	34.298.749.823	34.337.846.212
Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.245.871.503	68.928.144.398
Chi phí nhân viên	34.467.742.446	29.577.310.143
Khác	30.778.129.057	39.350.834.255
TỔNG CỘNG	234.271.674.939	202.294.912.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	325.846.113.487	319.119.154.571
Chi phí nhân viên	212.150.323.561	150.203.037.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.925.376.431	36.883.805.638
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.776.087.117	18.249.380.598
Chi phí khác	42.918.627.034	55.963.299.277
TỔNG CỘNG	<u>636.616.527.630</u>	<u>580.418.677.595</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.424.600.985	29.146.765.601
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(1.536.408.863)</u>	<u>(116.043.074)</u>
TỔNG CỘNG	<u>34.888.192.122</u>	<u>29.030.722.527</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>165.506.457.672</u>	<u>135.912.951.474</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	33.101.291.535	27.182.590.295
<i>Điều chỉnh thuế do:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	2.657.144.783	2.432.549.366
Thu nhập cổ tức không chịu thuế TNDN	(870.244.196)	(582.272.734)
Khác	-	(2.144.400)
Chi phí thuế TNDN	<u>34.888.192.122</u>	<u>29.030.722.527</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.974.276.932	749.836.797	1.224.440.135	435.132.901
Trợ cấp thôi việc phải trả	887.331.700	753.683.850	133.647.850	(148.953.592)
Chi phí phải trả	180.000.000	-	180.000.000	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(65.826)	1.613.296	(1.679.122)	1.932.628
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	(172.068.863)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>3.041.542.806</u>	<u>1.505.133.943</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>1.536.408.863</u>	<u>116.043.074</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty con	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu Lợi nhuận được chia Cho vay Thu hồi khoản cho vay Thu nhập cho thuê Lãi cho vay	87.377.173.800 2.286.401.244 2.000.000.000 2.000.000.000 480.244.965 445.000.000 371.886.765 45.730.000	66.640.529.690 1.337.867.630 - - 471.729.916 429.427.800 525.003.694 589.841.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty con	Nhận hàng hóa ký gửi đại lý Doanh thu hoa hồng đại lý Thu nhập cho thuê Mua hàng hóa	28.613.663.859 2.146.024.790 478.840.838 55.464.000	- - 475.205.894 39.369.377
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Doanh thu bán công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu Trả lại hàng mua Mua nguyên vật liệu Lợi nhuận được chia Lãi cho vay	- - 40.355.365.000 1.512.759.535 -	15.011.776 304.762 37.322.769.000 664.018.041 326.548.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND		
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty con	Cho thuê	<u>585.200.000</u>	<u>731.500.000</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty con	Cho vay	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	1.475.410.650	9.441.249.300
Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	13.902.251.010	4.395.015.231
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW 25	Công ty con	Nhận hàng hóa ký gửi đại lý	<u>16.574.368.618</u>	-
TỔNG CỘNG			<u>31.952.030.278</u>	<u>13.836.264.531</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác như sau:

		VND	
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị		7.823.999.622	11.548.610.565
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch	306.666.666	-
Ông Trịnh Xuân Vương	Thành viên	2.512.282.050	3.370.111.108
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	175.555.555	-
Ông Nguyễn Hải Dương	Thành viên	175.555.555	-
Bà Phương Thanh Nhung	Thành viên	95.555.555	-
Ông Nguyễn Chí Linh	Nguyên Phó Chủ tịch	2.768.156.239	6.002.354.948
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nguyên thành viên	727.702.080	1.237.440.809
Ông Lê Minh Điềm	Nguyên thành viên	359.111.110	495.777.775
Ông Ngô Tân Long	Nguyên thành viên	464.481.479	442.925.925
Ông Trịnh Việt Tuấn	Nguyên thành viên	197.822.222	-
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Nguyên thành viên	41.111.111	-
Ban Kiểm soát		1.381.481.847	1.366.733.639
Bà Kiều Thị Minh Hồng	Trưởng ban	50.555.555	-
Ông Lê Vũ Thuật	Nguyên Trưởng ban	361.444.444	349.666.663
Ông Nguyễn Trung Thành	Thành viên	60.555.555	-
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên	168.020.500	-
Ông Phan Công Cường	Nguyên thành viên	227.972.722	-
Ông Nguyễn Văn Khải	Nguyên thành viên	61.111.111	-
Ông Nguyễn Văn Tấn	Nguyên thành viên	451.821.960	1.017.066.976
Ban Tổng Giám đốc		5.445.139.802	3.014.301.784
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc	1.934.526.982	-
Ông Trương Đức Vọng	Nguyên Tổng Giám Đốc	698.558.350	413.999.997
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc	1.495.213.241	1.359.170.880
Ông Hà Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.316.841.229	1.241.130.907
TỔNG CỘNG		<u>14.650.621.271</u>	<u>15.929.645.988</u>

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	325.828.800	538.950.086
Từ 2 năm đến 5 năm	1.303.315.200	836.352.000
Trên 5 năm	6.190.747.200	4.181.760.000
TỔNG CỘNG	<u>7.819.891.200</u>	<u>5.557.062.086</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	230.172	107.451

32. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng này.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Thị Tuyết Dung
Người lập



Nguyễn Thế Đê
Kế toán trưởng




Phạm Thị Xuân Hương
Tổng Giám đốc



Ngày 4 tháng 3 năm 2022